

Số: **2250** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **28** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục thông tin công khai và Danh mục thông tin cung cấp
theo yêu cầu của công dân**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục thông tin công khai

Danh mục thông tin được công khai rộng rãi của Bộ Thông tin và Truyền thông gồm:

1. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

2. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề phải đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật;

4. Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Bộ;

5. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước của Bộ;

6. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các loại quỹ do Bộ quản lý;

7. Thông tin về chương trình, kế hoạch đầu tư công; tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch đầu tư công; số liệu quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm của từng dự án; số liệu quyết toán vốn đầu tư khi dự án hoàn thành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

8. Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

9. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chuyên ngành thông tin và truyền thông có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn lao động;

10. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế của cơ quan;

11. Báo cáo công tác định kỳ; thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông được ban hành tại Thông tư số 15/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề tài khoa học;

12. Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Các thông tin cung cấp theo yêu cầu

Các thông tin Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện cung cấp theo yêu cầu, bao gồm:

1. Những thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này, nhưng thuộc trường hợp sau đây:

- a) Thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai;
- b) Thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

2. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp, bao gồm:

a) Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

b) Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

c) Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này.

3. Thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Hình thức công khai thông tin

Danh mục thông tin công khai của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại Điều 1 Quyết định này được công khai bằng các hình thức sau:

1. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông;

2. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng;

3. Đăng Công báo;

4. Niêm yết tại trụ sở của Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa điểm khác;

5. Thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

6. Các hình thức khác thuận lợi cho công dân.

Điều 4. Thời điểm công khai thông tin

1. Thời điểm công khai thông tin thuộc Danh mục thông tin công khai của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.


2. Trong trường hợp các quy định pháp luật có liên quan không có quy định về thời điểm công khai thông tin thì phải thực hiện công khai thông tin chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi thông tin được tạo lập.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Việc công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu được thực hiện theo Quy chế cung cấp thông tin cho công dân của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 1164/QĐ-BTTTT ngày 12 tháng 7 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng (để biết, chỉ đạo);
- Đảng Ủy Bộ Thông tin và Truyền thông (để phối hợp);
- Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VP, PC, PQH (30);



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng